

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HS-PT

Ngày: 22 - 12 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoài

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu H

Ông Đặng Ngọc Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 162/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị B; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị B**, sinh ngày: 15/7/1953 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 48 đường HTLO, Phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1933; gia đình có 11 chị em, nhỏ nhất sinh năm 1978, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; chồng: Cao Ngọc K, sinh năm 1947; con: 04 con, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng từ ngày 18/11/2020, đến ngày 27/11/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Phan Thị Lệ Th – Văn phòng luật sư Phan Thị Lệ Th; địa chỉ: 54A/18 NC, Phường 3, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền bổ sung vốn kinh doanh, từ năm 1984 đến năm 1994, Lê Thị B đã vay mượn tiền, vàng; tham gia chơi huê và làm cái huê đối với một số người tại địa bàn thành phố BL. Do quen biết nên việc vay mượn, chơi huê với nhau không lập giấy tờ ghi nhận mà tự theo dõi. Đến năm 1994, do thua lỗ không có tiền thanh toán nợ gốc và lãi cho một số người trong đó có cả vợ chồng ông Trần Minh Đ, bà Nguyễn Thị Kh nên ngày 19/02/1994, ông Đông đến tiệm bán đồng hồ, mắt kính và vàng của B lấy đi 02 tủ đựng đồng hồ, mắt kính để xiết nợ. Trong quá trình Cơ quan điều tra giải quyết sự việc thì Lê Thị B đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh việc trả nợ của mình còn thiếu đối với một số người, cụ thể như sau:

- Đối với bà Nguyễn Thị Thanh V: Năm 1993, B vay của bà V số tiền 50.000.000đ nhưng viết giấy nhận nợ 60.000.000đ trong đó có 10.000.000đ là tiền lãi. Ngoài ra, bà V còn tham gia chơi 03 dây huê do B làm cái gồm 02 dây huê tiền; một dây loại 2.000.000đ/kỳ, bà V đã đóng được 7 kỳ là 14.000.000đ; 01 dây loại huê 1.000.000đ/kỳ, bà V hót huê được 12.000.000đ, thì B mượn lại số tiền trên của bà V, sau khi hót huê xong bà V tiếp tục đóng thêm 1.000.000đ tiền huê chết và 01 dây huê bằng vàng loại 02 chỉ/tháng, bà V đóng được 23 kỳ bằng 46 chỉ vàng 24K. Khi huê bị ngưng, B đã viết giấy nhận nợ đối với bà V là 50 chỉ vàng 24K, trong đó có 05 chỉ là vàng lãi; B đã thanh toán cho bà V được 05 chỉ. Khi mất khả năng trả nợ và bỏ trốn thì B còn nợ của bà V 27.000.000đ tiền huê, 50.000.000đ tiền vay và 41 chỉ vàng 24K nợ huê. Ngày 20/10/2020, B đã thanh toán cho bà V số tiền 150.000.000đ, bà V không yêu cầu xử lý đối với B và không có yêu cầu gì thêm.

- Đối với bà Nguyễn Thị Tr: Năm 1984, B vay của bà Tr 50 chỉ vàng 24K với lãi suất 03 chỉ/tháng, B đã trả lãi đến năm 1994 thì mất khả năng trả lãi và gốc. Trong năm 1993 B vay tiền của bà Tr nhiều lần gồm: Lần vay 46.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, B đã thanh toán tiền lãi đến tháng 6 năm 1994 thì mất khả năng thanh toán; lần vay số tiền 15.000.000đ nhưng viết giấy là 19.000.000đ kể cả lãi. Cũng năm 1993, B tham gia chơi 03 dây huê do bà Tr làm cái, loại huê thế nào không nhớ nhưng hót huê được tổng cộng 56.000.000đ, sau đó mới đóng huê chết được 5.170.000đ. Khi bỏ trốn B còn nợ bà Tr 50.830.000đ tiền huê, cùng 65.000.000đ và 50 chỉ vàng 24K nợ vay. Quá trình điều tra đến nay bà Tr khai nhận từ chỗ thân quen nên có cho B vay mượn lấy lãi và chơi huê qua lại với nhau đã lâu không nhớ chính xác, không có giấy nên không yêu cầu B trả lại số tiền trên cũng như không yêu cầu xử lý đối với B.

- Đối với bà Đinh Thị H: Trong thời gian năm 1993 và 1994 bà H tham gia chơi huê với bà B, tuy nhiên không nhớ hình thức huê như thế nào, chỉ nhớ bà B còn nợ số tiền 62.000.000đ. B thừa nhận có tham gia chơi huê do bà H làm cái, hình thức như thế nào không nhớ rõ chỉ nhớ còn nợ bà H 46.920.000đ. Cơ quan điều tra đã triệu tập bà H lên đối chất với bị cáo B để làm rõ số nợ nhưng bà H từ chối việc đối chất và không có yêu cầu gì.

- Đối với bà Lê Thị Vạn K: Bà K trình bày có tham gia chơi huê qua lại với bà B nhưng đã lâu không còn nhớ. Bị cáo B xác nhận nợ tiền huê của bà K là 23.000.000đ; ngày 27/12/2020 B đã thanh toán cho bà K. Hiện nay bà K không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bà Võ Thị Ng (Năm Thúy): Bị cáo B trình bày vào năm 1993 bà Ng tham gia chơi huê bằng vàng do B làm cái, loại huê 02 chỉ/tháng, bà Ng đã hốt huê nhưng chưa đóng 03 kỳ huê chết là 06 chỉ vàng 24K. Bà Võ Thị Ng trình bày từ năm 1986 đến năm 1994 bà tham gia chơi nhiều dây huê do bà B làm cái nhưng không có giấy tờ, chỉ nhớ bà B còn nợ của bà tiền huê là 10.080.000đ. Hiện cả 2 đã giải quyết xong.

- Đối với bà Nguyễn Thị H V: Bà V trình bày quen biết với B từ năm 1990 và thường xuyên chơi huê, vay mượn qua lại với nhau. Hiện bà B còn nợ 20.000.000đ. Ngày 27/12/2020, B đã thanh toán số tiền trên cho bà V nên bà V không có yêu cầu gì.

- Đối với số vàng mà bị cáo và các bị hại giao dịch với nhau vào thời điểm trên khai nhận có giá là 300.000đ/chỉ. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan chức năng cung cấp giá vàng 24K vào thời điểm năm 1994, tuy nhiên Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng thông báo vào thời điểm trên Ngân hàng không có chức năng công bố giá vàng; giá vàng trên thị trường do các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp kinh doanh mua bán vàng quyết định, công bố. Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng trả lời đến thời điểm hiện nay đã hơn 20 năm nên không có dữ liệu về giá vàng loại 24K tại thời điểm 7/1994 để cung cấp.

Cáo trạng số 17/CT-VKSBL ngày 24/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Thị B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án số 70/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

\* Ngày 01/8/2022 bị cáo Lê Thị B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho hưởng án treo.

Luật sư Th bào chữa cho bị cáo trình bày:

- Về tố tụng: Hồ sơ thể hiện trước khi ra lệnh truy nã, công an không xác minh xem bị cáo có ở địa phương không; không thông báo lệnh truy nã trên phương tiện thông tin đại chúng. Khi chưa bắt được bị cáo thì cơ quan điều tra cũng không tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Cơ quan điều tra quy kết bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại bao gồm cả tiền lãi trong khi lãi quá cao là không phù hợp. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người cao tuổi, nhiều bệnh tật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và xử bị cáo mức khởi điểm tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự, đồng thời áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị B nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các vi phạm tố tụng mà luật sư đề cập chỉ là những thiếu sót về thủ tục do vụ án xảy ra từ năm 1994, những thiếu sót này hiện nay không thể khắc phục. Mặt khác, những vi phạm, thiếu sót này chỉ là những văn bản, quyết định có tính chất thủ tục và không làm thay đổi đến nội dung, bản chất của vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là phù hợp.

Vào tháng 4/1994 bị cáo Lê Thị B còn nợ của bà Nguyễn Thị Thanh V 14.000.000đ tiền huê, 62.000.000đ tiền vay và 41 chỉ vàng 24K huê; nợ bà

Nguyễn Thị Tr 50.830.000đ tiền huê, 61.000.000đ và 50 chỉ vàng 24K vay; nợ bà Đinh Thị H 46.920.000đ tiền huê; nợ bà Lê Thị Vạn K là 23.000.000đ tiền huê; nợ bà Võ Thị Ng 10.080.000đ tiền huê và nợ bà Nguyễn Thị H V 20.000.000đ tiền huê nhưng bị cáo B đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tổng giá trị tiền và vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt của 06 bị hại là 315.130.000đ (trong đó tiền vay là 123.000.000đ và 50 chỉ vàng 24K tương đương số tiền 15.000.000đ; tiền huê 164.830.000đ và 41 chỉ vàng 24K tương đương 12.300.000đ).

Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1991 đang còn hiệu lực thi hành; tại khoản 3 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định mức hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm. Trong khi, tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Căn cứ, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó, áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại cho các bị hại quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù là đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét thấy, bị cáo hiện nay gần 70 tuổi, nhiều bệnh tật và tại cấp phúc thẩm, các bị hại gồm bà Nguyễn Thị Tr, bà Đinh Thị H và bà Nguyễn Thị H V đều có đơn xin bãi nại cho bị cáo (BL502-504), nội dung đơn trình bày mục đích tố cáo bị cáo B là để bị cáo trả nợ, nay bị cáo đã trả xong, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt thấp nhất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị B, sửa bản án sơ thẩm; xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố BL (02);
- VKSND thành phố BL (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố BL (01);
- Cơ quan THAHS CA thành phố BL (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Người liên quan (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Hoài**